CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8

Ngày 30/06/2025	9,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.1%	**7.0%**	**10.8%**

DT thuần
Q2/25
22.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.4| 146%
YoY: ▲ 8.60| 61.7%

LN thuần
Q2/25
0.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.14| 453%
YoY: ▲ 0.16| 1560%

LN sau thuế
Q2/25
0.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.11| 564%
YoY: ▲ 0.12| 1228%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
0.7%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE (TTM)
Q2/25
1.9%
YoY: +/-▲ 0.4%

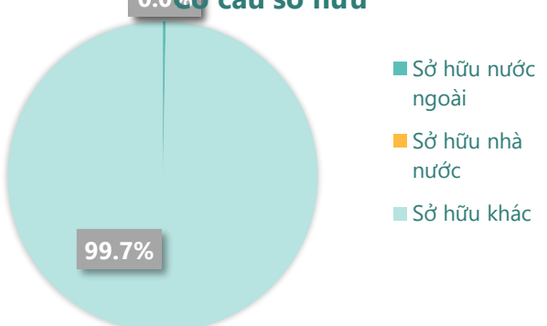
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,417 - 10,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	25
Số lượng CPLH (CP)	2,672,157
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,990
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.35
EPS	199
P/E	46.2

DT thuần
6T 2025
31.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.50| -4.4%

LN thuần
6T 2025
0.19
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.08| 67.6%

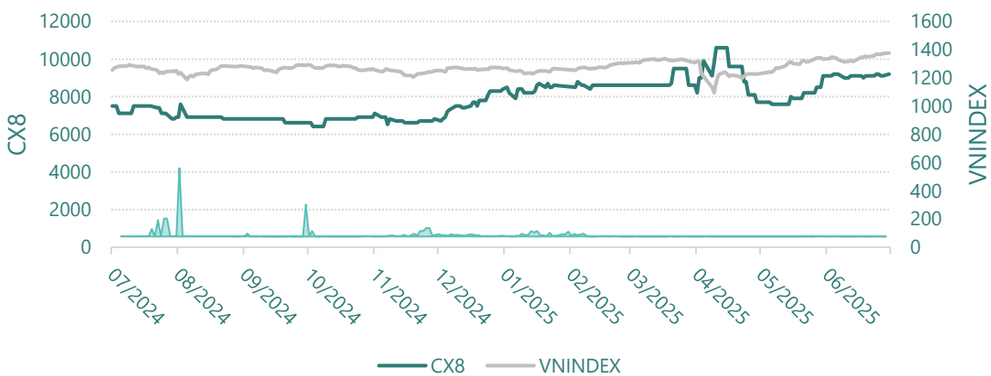
LN sau thuế
6T 2025
0.15
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.07| 94.4%

Cơ cấu sở hữu

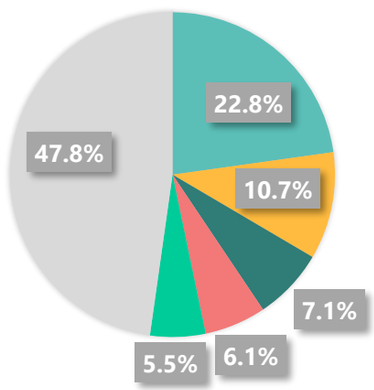


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

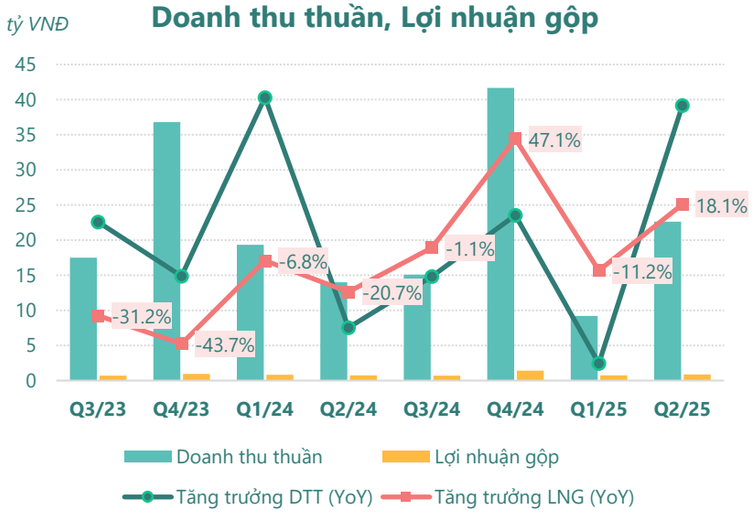


- Vũ Đức Tiến (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Quang Huy
- Vũ Tường Vy (Thành viên HĐQT)
- Trần Bá Hùng
- Vũ Duy Hậu (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

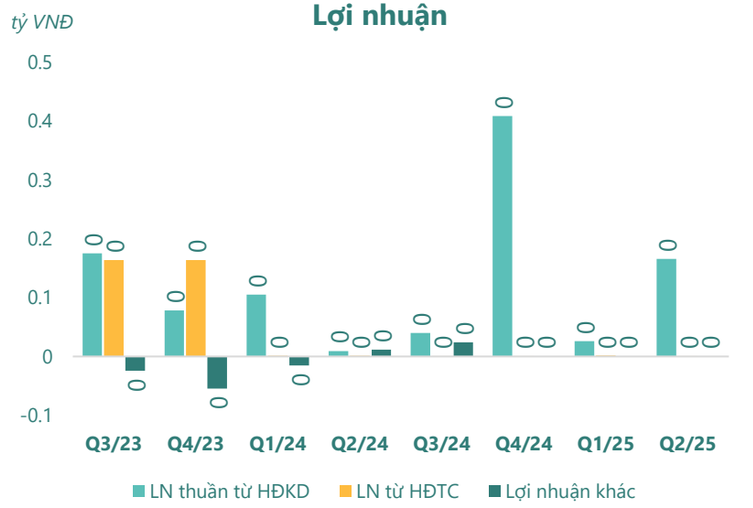
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



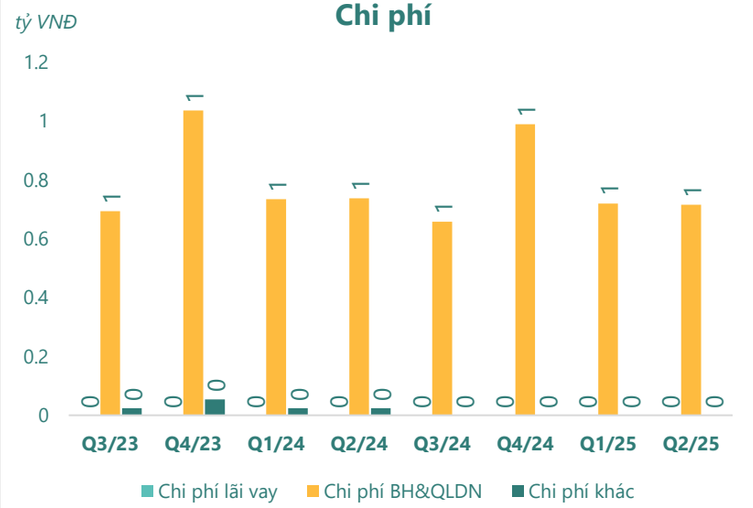
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



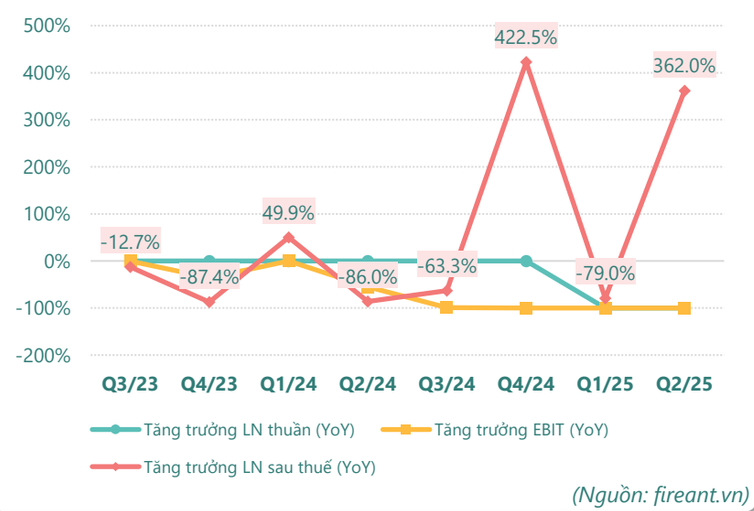
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



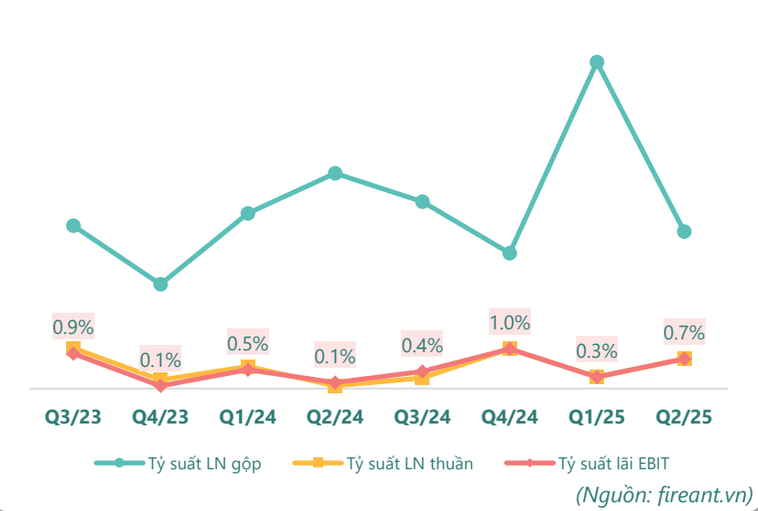
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



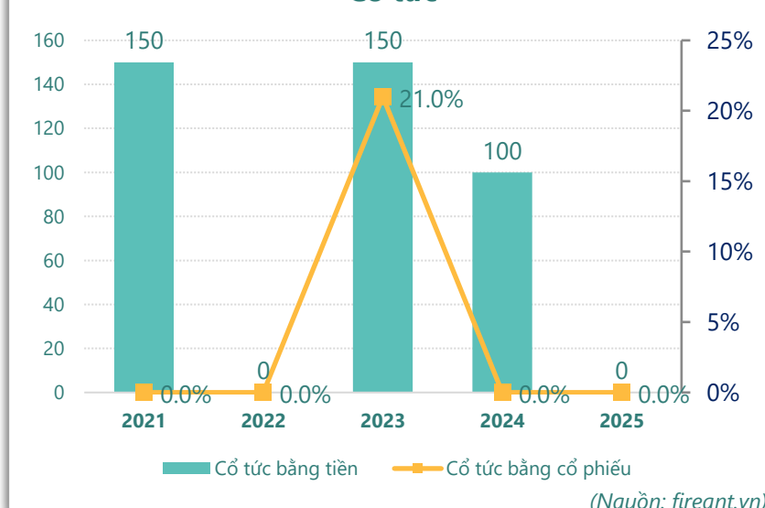
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

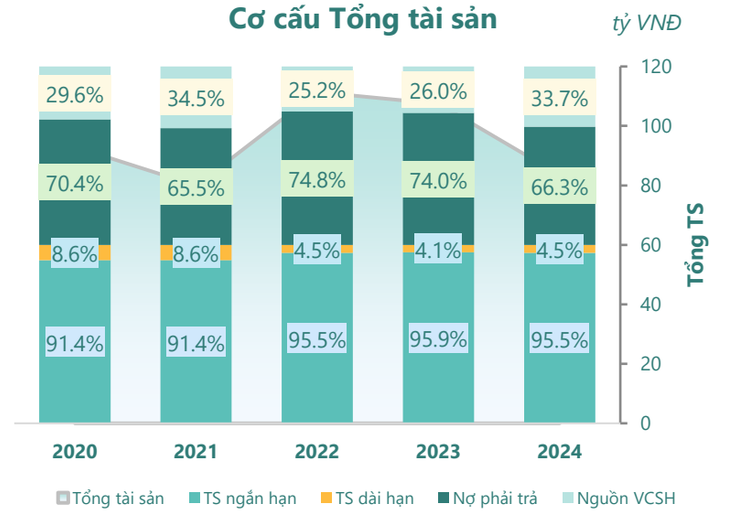
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

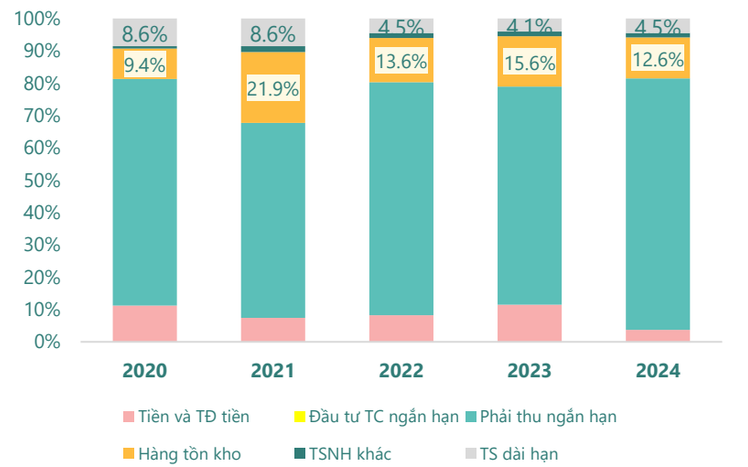
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



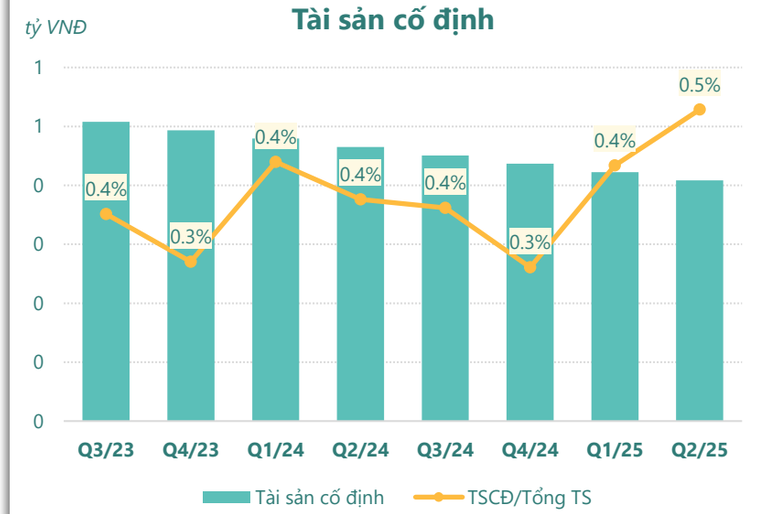
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



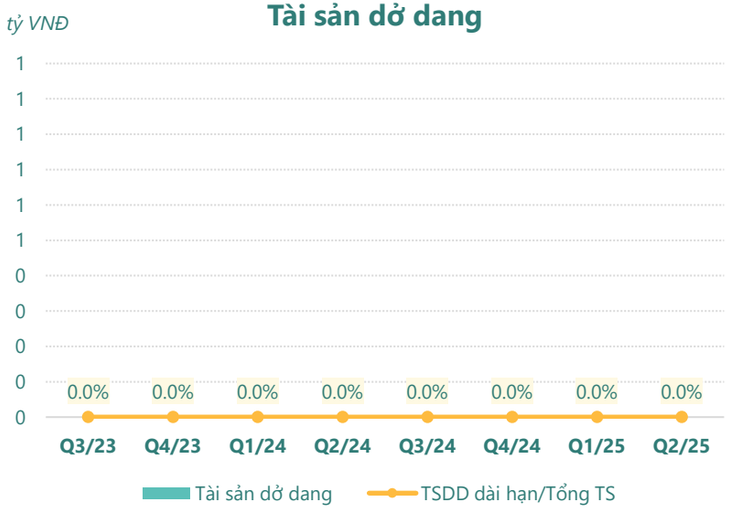
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



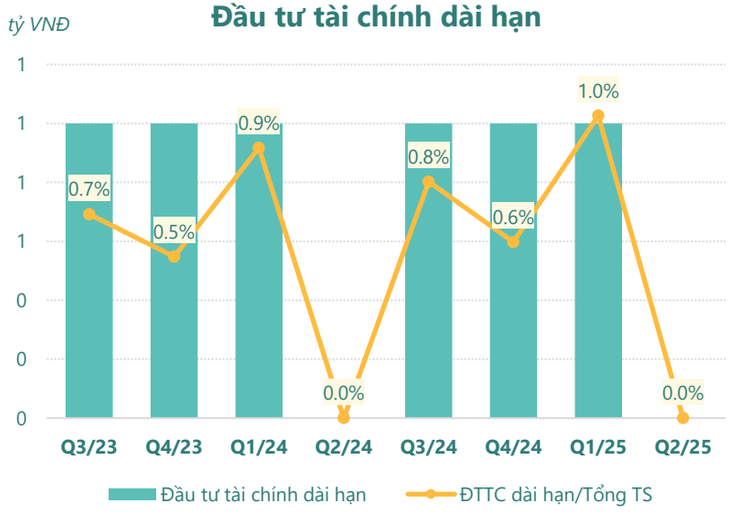
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



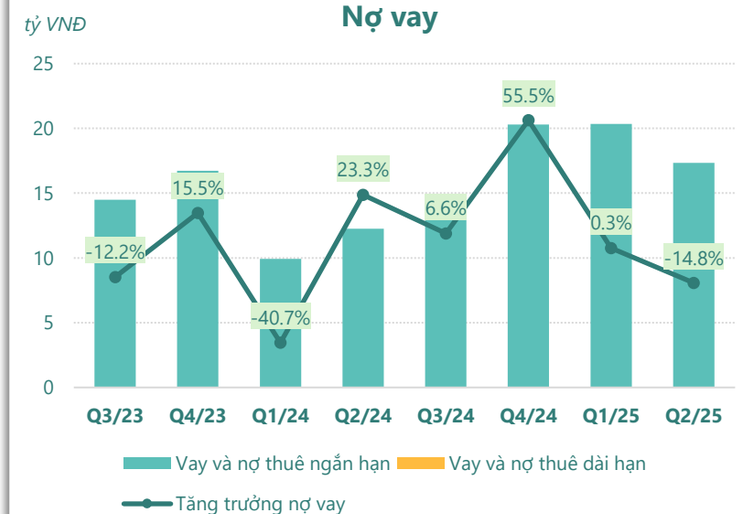
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

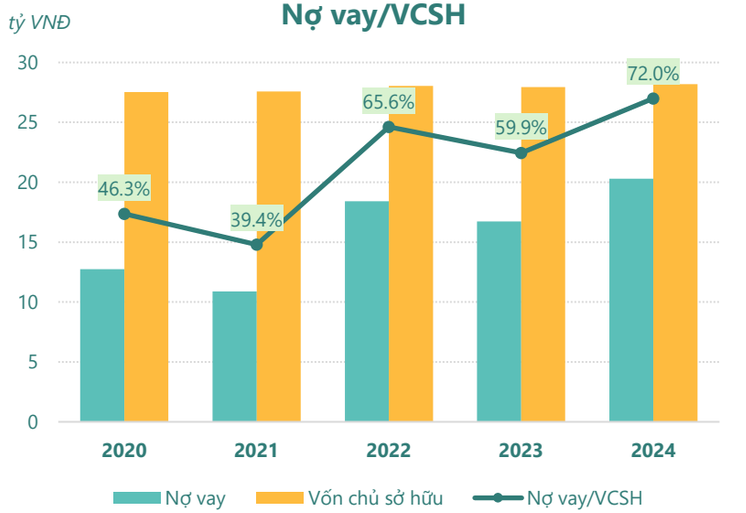
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

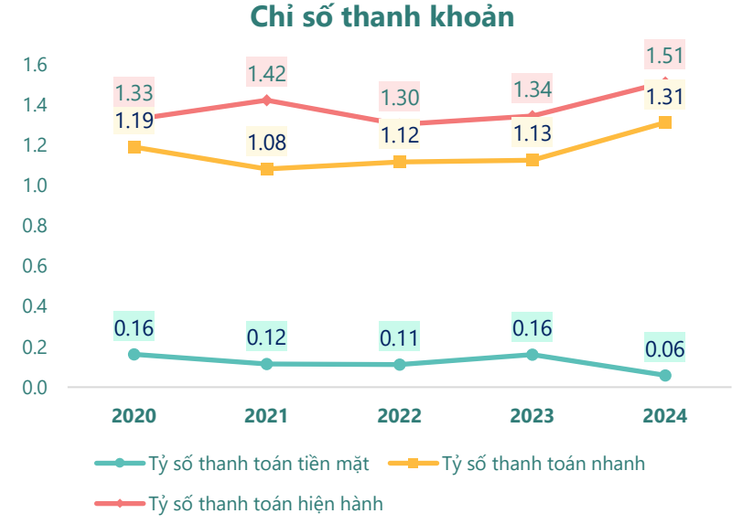
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



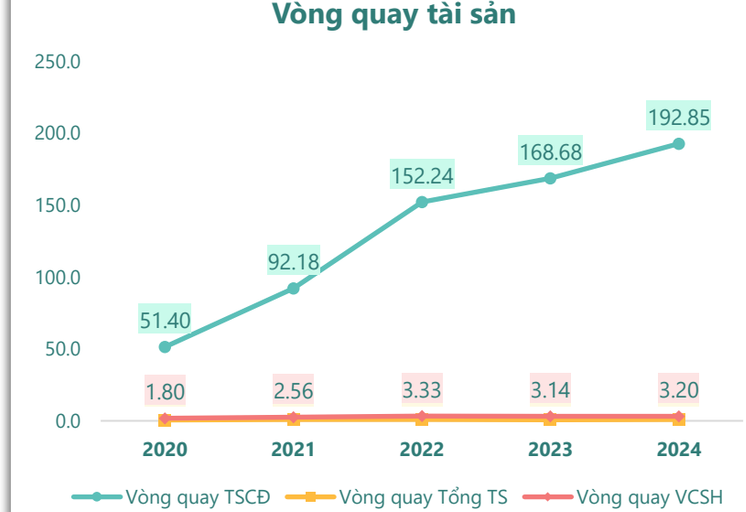
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



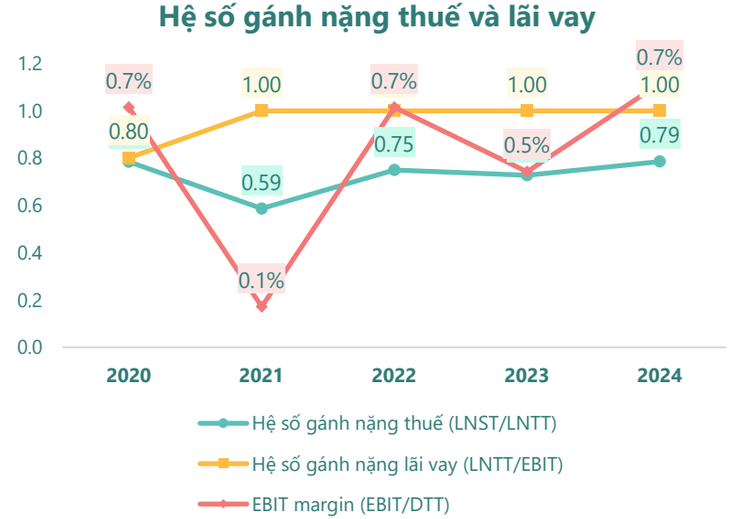
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



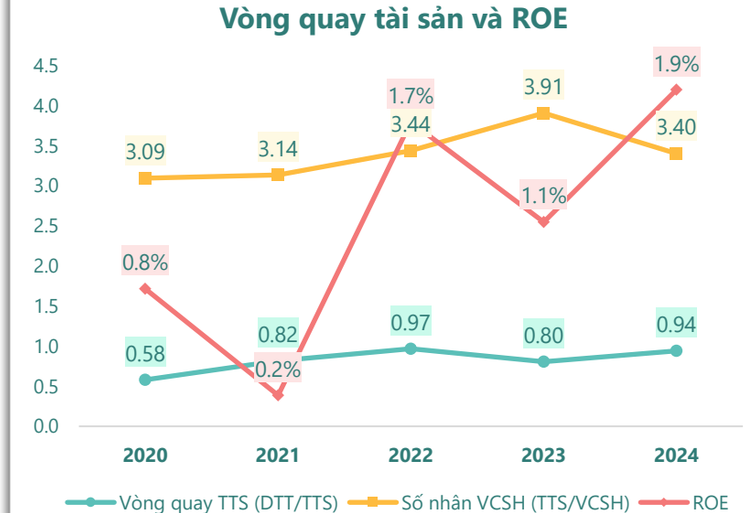
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



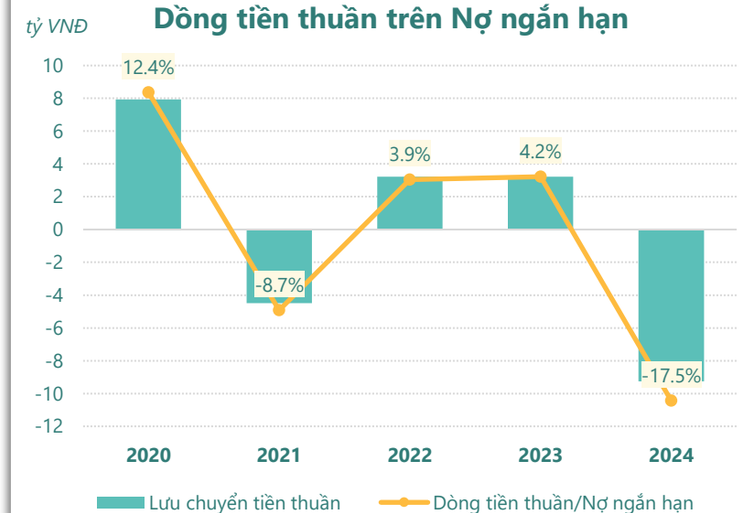
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**22.6**	**14.0**	**61.7%**	**31.8**	**33.3**	**-4.4%**
Giá vốn hàng bán	21.8	13.2	64.8%	30.2	31.7	-4.7%
Lợi nhuận gộp	0.88	0.75	17.5%	1.63	1.59	2.6%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-3.3%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.72**	**0.74**	**-3.3%**	**1.44**	**1.47**	**-2.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.17	0.01	1560%	0.19	0.11	67.6%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.01**	**-100%**	**0**	**0.00**	**100%**
LN trước thuế	0.17	0.02	730%	0.19	0.11	73.0%
Lợi nhuận sau thuế	**0.13**	**0.01**	**1228%**	**0.15**	**0.08**	**94.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.13**	**0.01**	**1228%**	**0.15**	**0.08**	**94.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.63	-2.83	2.90	7.61	2.64	7.37
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.00	-3.90	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.26	2.76	-2.73	-5.16	-5.26	2.09
Tiền đầu kỳ	8.36	0.47	0.49	0.67	3.11	0.50
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.89**	**-3.98**	**0.17**	**2.45**	**-2.61**	**9.46**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.47	0.49	0.67	3.11	0.50	9.96

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**77.3**	**83.5**	**-7.5%**
Tài sản ngắn hạn	73.8	79.8	-7.5%
Tiền và tương đương tiền	9.96	3.11	220%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	52.9	65.0	-18.5%
Hàng tồn kho	10.4	10.6	-1.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.55	1.16	-52.6%
Tài sản dài hạn	**3.44**	**3.74**	**-7.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.41	0.44	-6.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**3.04**	**3.30**	**-8.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	49.2	55.3	-11.1%
Nợ ngắn hạn	**46.6**	**52.8**	**-11.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.3	20.3	-14.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.13	0.13	0.0%
Nợ dài hạn	2.60	2.56	1.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**28.0**	**28.2**	**-0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**28.0**	**28.2**	**-0.5%**
Vốn điều lệ	26.7	26.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)